

【致理科技大學】115學年度國際專修部學生錄取名單
Trường Đại học Khoa học Công nghệ Chihlee
Danh sách trúng tuyển Hệ dự bị Đại học 1+4 năm 2026

序號 STT	科系 Khoa	中文姓名 Tên tiếng Hoa	英文姓名 Tên tiếng Anh	性別 Giới tí nh	正取/備取 Chính thức / dự bị	護照號碼 Số hộ chiếu
1	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	彭○利	PHUNG ○ LOI	女	正取 Chính thức	P0250****
2	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	彭○瓊瑛	BANH ○ QUYNH ANH	女	正取 Chính thức	E0486****
3	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○嘉欣	NGUYEN ○ GIA HAN	女	正取 Chính thức	E0408****
4	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○忠豪	NGUYEN ○ TRUNG HAO	男	正取 Chính thức	E0488****
5	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○英詩	NGUYEN ○ANH THO	女	正取 Chính thức	E0485****
6	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	潘○嬌薇	PHAN ○ KIEU VI	女	正取 Chính thức	E0486****
7	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○源	NGUYEN ○ NGUYEN	女	正取 Chính thức	E0410****
8	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	范○玉慶	PHAM ○ NGOC KHANH	女	正取 Chính thức	E0506****
9	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○玉銀	NGUYEN ○ NGOC NGAN	女	正取 Chính thức	E0482****
10	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○貞	NGUYEN ○ TRINH	女	正取 Chính thức	E0480****
11	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	范○美緣	PHAM ○ MY DUYEN	女	正取 Chính thức	E0484****
12	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	張○旗	TRUONG ○ KY	女	正取 Chính thức	E0300****
13	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	范○芳	PHAM ○ PHUONG	女	正取 Chính thức	P0427****
14	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	梁○忠	LUONG ○ TRUNG	男	正取 Chính thức	E0477****
15	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	裴○美	BUI ○ MY	女	正取 Chính thức	E0014****
16	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	黎○草英	LE ○ THAO ANH	女	正取 Chính thức	P0470****
17	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	范○瓊	PHAM ○ QUYNH	女	正取 Chính thức	E0445****
18	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○蘭香	NGUYEN ○ LAN HUONG	女	備取 Dự bị 1	E0293****
19	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○祥薇	NGUYEN ○ TUONG VY	女	備取 Dự bị 2	E0490****
20	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○蘭英	NGUYEN ○ LAN ANH	女	備取 Dự bị 3	E0449****
21	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	黎○玄妙	LE ○ HUYEN DIU	女	備取 Dự bị 4	E0446****
22	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	陳○玉仙	TRAN ○ NGOC TIEN	女	備取 Dự bị 5	E0404****
23	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	潘○慶玉	PHAN ○ KHANH NGOC	女	備取 Dự bị 6	E0493****
24	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○帖	NGUYEN ○ THIEP	女	備取 Dự bị 7	E0449****
25	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	何○瑛	HA ○ ANH	女	備取 Dự bị 8	E0454****
26	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	黎○宝玉	LE ○ BAO NGOC	女	備取 Dự bị 9	E0474****
27	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	范○草	PHAM ○ THAO	女	備取 Dự bị 10	E0489****
28	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○黃英	NGUYEN ○ HUYNH ANH	女	備取 Dự bị 11	E0494****
29	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○姮	NGUYEN ○ HANG	女	備取 Dự bị 12	E0448****
30	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	高○克平	CAO ○ KHAC BINH	男	備取 Dự bị 13	E0517****
31	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	杜○英	DO ○ ANH	女	備取 Dự bị 14	E0348****
32	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○平	NGUYEN ○ BINH	男	備取 Dự bị 15	E0306****
33	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	黎○美幸	LE ○ MY HANH	女	備取 Dự bị 16	E0415****

34	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	裴○玉英	BUI ○ NGOC ANH	女	備取 Dự bị 17	E0441****
35	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	裴○妝	BUI ○ TRANG	女	備取 Dự bị 18	E0452****
36	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○瓊娥	NGUYEN ○ QUYNH NGA	女	備取 Dự bị 19	E0492****
37	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	陳○登維	TRAN ○ DANG DUY	男	備取 Dự bị 20	E0454****
38	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○明	NGUYEN ○ MINH	男	備取 Dự bị 21	E0459****
39	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	黎○青藍	LE ○ THANH LAM	女	備取 Dự bị 22	E0418****
40	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	宋○鴛	TONG ○ UYEN	女	備取 Dự bị 23	E0453****
41	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	裴○芳薇	BUI ○ PHUONG VY	女	備取 Dự bị 24	E0441****
42	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	黎○芳草	LE ○ PHUONG THAO	女	備取 Dự bị 25	E0447****
43	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	楊○中	DUONG ○ TRUNG	男	備取 Dự bị 26	E0442****
44	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	黎○端	LE ○ DOAN	女	備取 Dự bị 27	E0441****
45	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○寶河	NGUYEN ○ BAO HA	女	備取 Dự bị 28	E0443****
46	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○玄莊	NGUYEN ○ HUYEN TRANG	女	備取 Dự bị 29	P0468****
47	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○海	NGUYEN ○ HAI	女	備取 Dự bị 30	E0460****
48	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	李○錦	LY ○ CAM	女	備取 Dự bị 31	E0438****
49	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	陶○日芊	DAO ○ NHAT THIEN	女	備取 Dự bị 32	E0421****
50	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	武○水	VU ○ THUY	女	備取 Dự bị 33	E0335****
51	休閒遊憩管理系 Quản lý du lịch sinh thái và giải trí	阮○紅絨	NGUYEN ○ HONG NHUNG	女	備取 Dự bị 34	P0427****
52	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	李○竹梅	LY ○ TRUC MAI	女	正取 Chính thức	E0486****
53	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○慶玄	NGUYEN ○ KHANH HUYEN	女	正取 Chính thức	E0497****
54	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○英詩	NGUYEN ○ ANH THO	女	正取 Chính thức	E0414****
55	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	黃○始	HOANG ○ THUY	女	正取 Chính thức	P0428****
56	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○日	NGUYEN ○ NHUT	男	正取 Chính thức	E0495****
57	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	黃○嫻	HUYNH ○ QUYEN	女	正取 Chính thức	E0394****
58	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	武○如	VU ○ NHU	女	正取 Chính thức	E0450****
59	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○玉欣	NGUYEN ○ NGOC HAN	女	正取 Chính thức	E0444****
60	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○青玉	NGUYEN ○ THANH NGOC	女	正取 Chính thức	P0085****
61	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	陳○康	TRAN ○ KHANG	男	正取 Chính thức	E0493****
62	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○芳娥	NGUYEN ○ PHUONG NGA	女	正取 Chính thức	E0445****
63	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○明洲	NGUYEN ○ MINH CHAU	女	正取 Chính thức	E0485****
64	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	梅○情	MAI ○ TINH	男	正取 Chính thức	E0499****
65	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	陳○英	TRAN ○ ANH	女	正取 Chính thức	K0390****
66	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○碧璇	NGUYEN ○ BICH TUYEN	女	正取 Chính thức	E0394****
67	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	范○大	PHAM ○ DAI	男	正取 Chính thức	E0434****
68	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	杜○海寧	DO ○ HAI NINH	女	正取 Chính thức	E0442****
69	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○娥	NGUYEN ○ NGA	女	備取 Dự bị 1	E0448****
70	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	陳○氏春貞	TRAN ○ THI XUAN TRINH	女	備取 Dự bị 2	E0442****

71	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	范○夢宜	PHAM ○ MONG NGHI	女	備取 Dự bị 3	P0405****
72	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	裴○美姮	BUI ○ MY HANG	女	備取 Dự bị 4	E0441****
73	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	范○梅	PHAM ○ MAI	女	備取 Dự bị 5	E0427****
74	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	黎○金之	LE ○ KIM CHI	女	備取 Dự bị 6	E0322****
75	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○緣	NGUYEN ○ DUYEN	女	備取 Dự bị 7	E0444****
76	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	范○秋薰	PHAM OTHU HUONG	女	備取 Dự bị 8	E0447****
77	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	古○草	CU ○ THAO	女	備取 Dự bị 9	E0444****
78	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	裴○河	BUI ○ HA	女	備取 Dự bị 10	E0412****
79	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○鳳	NGUYEN ○ PHUONG	女	備取 Dự bị 11	E0449****
80	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○美莉	NGUYEN ○ MY LY	女	備取 Dự bị 12	E0449****
81	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	杜○美麗	DO ○ MY LE	女	備取 Dự bị 13	E0488****
82	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	岑○青竹	SAM ○ THANH TRUC	女	備取 Dự bị 14	E0440****
83	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○兒	NGUYEN ○ NHI	女	備取 Dự bị 15	E0438****
84	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	黃○秀鶯	HOANG ○ TU OANH	女	備取 Dự bị 16	E0408****
85	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	趙○祝	TRIEU ○ CHUC	女	備取 Dự bị 17	E0438****
86	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	武○垂楊	VU ○ THUY DUONG	女	備取 Dự bị 18	E0442****
87	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	高○芳娟	CAO ○ PHUONG QUYEN	女	備取 Dự bị 19	E0412****
88	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	何○儀	HA ○ THU HUYEN	女	備取 Dự bị 20	E0453****
89	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	陳○如	TRAN ○ NHU	女	備取 Dự bị 21	E0194****
90	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○寧	NGUYEN ○ NINH	男	備取 Dự bị 22	E0341****
91	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	羅○柏	LA ○ BACH	男	備取 Dự bị 23	E0505****
92	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	郭○如	QUACH ○ NHU	女	備取 Dự bị 24	E0482****
93	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○鶯	Nguyen ○ Oanh	女	備取 Dự bị 25	E0491****
94	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○何玲	NGUYEN ○ HA LINH	女	備取 Dự bị 26	E0455****
95	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	黃○柏	HOANG ○ BACH	男	備取 Dự bị 27	E0432****
96	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	陳○海龍	TRAN ○ HAI LONG	男	備取 Dự bị 28	E0409****
97	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	黎○明	LE ○ MINH	男	備取 Dự bị 29	E0444****
98	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	黃○恒	HOANG ○I HANG	女	備取 Dự bị 30	E0452****
99	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	武○芳瑛	VU ○ PHUONG ANH	女	備取 Dự bị 31	E0444****
100	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	范○玉蘭	PHAM ○ NGOC LAN	女	備取 Dự bị 32	E0410****
101	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	阮○詩	NGUYEN ○ ANH THO	女	備取 Dự bị 33	E0059****
102	行銷與流通管理系 Marketing và Quản lý lưu thông hàng hoá	范○玉映	PHAM ○ NGOC ANH	女	備取 Dự bị 34	E0424****